



ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



TƯỢNG ĐẠI CHIẾN SĨ VIỆT MỸ (WESTMINSTER, CA)

68

**VINH DANH
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA**



ĐA HIỆU

Số 68

Phát hành 7/2003

Cựu SVSQ/K19 NGUYỄN NHỎ
Chủ Nhiệm

Cựu SVSQ/K19 ĐOÀN PHƯƠNG HẢI
Chủ bút

Cựu SVSQ/K25 NGUYỄN XUÂN THẮNG
Trị Sự

Cựu SVSQ/K28 NGUYỄN THANH SANG
Tổng Phát hành

Hình Bìa: Cựu SVSQ/K29 Lê Đình Trí



Tượng Đài Chiến Sĩ
Việt-Mỹ

Hộp thư tòa soạn:
Đa Hiệu

P.O.Box 560829
Milpitas, Ca 95036
Tel: (408) 476 1415

Email: dahieu1515@yahoo.com
<http://www.vobi-vietnam.org>

MỤC LỤC ĐH68

Danh nghĩa của Quân Lực VNCH - Lữ Tuấn - K12	6
Thăng Sáu, nêu cao lá cờ chính nghĩa - GS Nguyễn Xuân Vinh	21
Vấn đề giải thể Cộng Sản - LS Nguyễn Hữu Thống	30
Hiên tình Liên hiệp quốc - Lê Phạm Nhân	51
Thư gửi cho Tổng Thống Bush - GS Nguyễn Văn Canh	58
Letter to President Bush - GS Nguyễn Văn Canh	67
Lễ khánh thành tượng đài chiến sỹ Việt Mỹ - Đào Quý Hùng K26	76
Anh hùng tử khí hùng nào tử - Thơ - Nguyễn Huy Hùng - K1	85
Anh vẫn sống - Thơ - Châu Văn Hiến - B25	86
Thiên thần mũ đỏ K26 ai mất ai còn - Hà Mai Trường K26	87
Không gian vương dấu giấy - Thơ Hà Huyền Chi K14	94
Ba chàng ngự lâm pháo thủ - Trần Ngọc Toàn K16	95
Đấy đi anh - Thơ: Nguyễn Văn Trọng K13	108
Kinh tế hương chiếu - Cao Chánh Cường K15	112
Tưởng nhớ - Thơ: Ngô Minh Hằng	123
Những câu chuyện lòng - Trần Tuấn Ngọc K28	125
Người về - Thơ Song Nhị và Hà Thục Ngàn	135
Những mảng đời sau chiến trận - Bằng Sơn - Nguyễn Văn Bạc - K14 ..	138
Cho người lính dấu yêu - Thơ: (T.C.V) Doanh Doanh	149
Hiồ sơ liên quan đến thuế vụ - Lê Huy Anh - K14	150
Đời đời tình nghĩa - Thơ: T.H	154
Cai bốp - Thành Văn - K20	155
Chuyện hoa phượng - Thơ T.P.B Đỗ Văn Mai K18 (Việt Nam)	171
Một thoáng - Hoa Trang Nguyễn - 25B	172
Tứ thập niên - Thơ - Nguyễn Trùng Khánh - K25	178
Theo bước cha anh - Hat Bình Phương	179
Minh Nguyệt - Tố nữ - Thơ - Lê Thượng Đô - K20	187
Người - Kathy Trần - C12	188
Thương về Đà Lạt - Ngọc Trâm - 19B	198
Kịch bản tử thần - Văn Phan - K13	199

Từ nơi xuống núi - Thơ Phạm Kim Khối - K19	219
Chi quả phụ - Thơ Võ Tinh - K17	220
A widow of courage - Thơ Võ Tinh - K17	221
O Xương - Thu Nga - 18B	224
Ngày 19 tháng 6 - Thơ Ngọc Thủy	234
Bạn có biết - ZienHong	235

SINH HOẠT VÔ BỊ

Lễ an táng cố Trung úy Phi công Nguyễn Bảo Tùng K16/TVBQGVN tại nghĩa trang quốc gia - Trần Ngọc Toàn - K16	244
Thông báo HVB Australia - Trần Cẩm Tường - K19	250
Thông báo Đại hội Khóa 20	254
Văn thơ yểm trợ tái chính cho Tổng hội của Khóa 18	255
Đầu là sự thật - Võ Nhân - K20	256
Cảm nghĩ về Đại Hội Khóa 17 năm 2005 - Từ Chung - 17B	259
Đại hội K15 - Cao Bồi - K15	267
Đại Hội K19 - Từ Cao Nguyên - K19	279
Niềm vui họp khóa - Thơ - Đặng Kim Chi - B19	289

THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU

Thư của Tổng Đoàn Trường TDTNĐH	292
Sinh hoạt Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu	294
Đừng nghe Mỹ nói - Triệu Âu	307
Thông cáo chung Đa Hiệu 69	311
Thư tin Đa Hiệu - Xuân Hương	313
Quy Tổng Hội	322
Danh sách Ủng hộ Đa Hiệu	325
Tin vui - Tin buồn	333
Tôn chỉ Đa Hiệu	355



DANH NGHĨA CỦA QUÂN LỰC VNCH

Trong cuộc chiến tại Việt Nam từ 1955 đến 30/4/1975, QLVNCH đã đóng vai trò chủ chốt trên khắp các chiến trường, đã thắng cũng như đã thua, là một tổ chức quân sự của một nước có chủ quyền được trên 100 quốc gia công nhận.

Guồng máy tuyên truyền của CSVN trong nhiều năm đã cố gắng hết sức mình để làm lu mờ sự hiện diện và thành tích chiến đấu của QLVNCH. Luận điệu chủ yếu của CSVN nhằm làm cho thế giới tin rằng quân lực Miền Nam Việt Nam là những đơn vị của binh lực thuộc địa Pháp để lại. Trong nhiều tài liệu do CSVN biên soạn hoặc do các tác giả thiên về phía Hà Nội viết ra đều cố gán ghép cho người ta tin rằng quân đội của VNCH có gốc gác từ đạo quân viễn chinh Pháp và chỉ là “lính đánh thuê” của các đế quốc chống lại Tổ Quốc Việt Nam.

Trong chiến tranh, báo chí và các thành phần phản chiến còn cố ý khai thác các nhược điểm của QLVNCH, thổi phồng một số sự kiện và bi thảm hóa những trận đánh mà QLVNCH thiệt hại nặng, làm ngơ các chiến thắng của Miền Nam, và thường chỉ loan tin, chiếu trên màn ảnh những hoạt động của quân sĩ Mỹ mà ít khi cho khán

giả thế giới xem những cuộc giao tranh và sinh hoạt của QLVNCH. Mục đích của bọn này là hạ giá trị chiến đấu của người chiến binh Miền Nam, làm cho quần chúng bên ngoài Việt Nam lầm tưởng rằng người lính VNCH hèn nhát, không muốn chiến đấu hoặc không có vai trò gì đáng kể trên chiến trường. Thật đáng tiếc khi phải nhìn nhận rằng âm mưu ấy đạt được kết quả thuận lợi cho mưu đồ của bọn họ.

Nhiều người không biết rõ lịch sử Việt Nam cận đại đã lầm tin vào các luận điệu này. Nghe qua, họ cảm lý. Quả thật tiền là Quân Đội Quốc do người Pháp tổ nắm một phần luận từ đó, những hiểu tình hình Việt quân đội của VNCH Pháp hay của Mỹ. kỹ, có tình và có lý, n



ing trách vì thoạt thấy luận điệu ấy có thân của QLVNCH Gia Việt Nam, vốn chức, huấn luyện và quyền chỉ huy. Suy người kém thông Nam để cho rằng là một thứ lính của Nhưng nếu xét cho ược khác hẳn.

Trước năm 1945, chính quyền Pháp cho tổ chức ở Đông Dương cũng như các thuộc địa khác một số đơn vị quân sự gồm lính người bản xứ. Tại Đông Dương, có các Trung Đoàn Bộ Binh Thuộc Địa (Régiment d'Infanterie Coloniale) và Trung Đoàn Pháo Binh Thuộc Địa (Régiment d'Artillerie Coloniale). Đây là các đơn vị chính quy của Pháp, ăn lương của nước Pháp và hồ sơ binh sách cá nhân từng binh sĩ đến nay vẫn còn được lưu trữ ở văn khố quân lực Pháp.

Ngoài ra tại mỗi xứ trong 5 xứ Đông Dương còn có lực lượng cảnh bị mang tên “Garde Indigène” hay là Vệ Binh Bản Xứ trực thuộc các thống đốc Miền Lào và ba kỳ ở Việt Nam (Thống Sứ Bắc Kỳ, Khâm Sứ Trung Kỳ, Thống Đốc Nam Kỳ) mà ngoài Bắc gọi nôm na là lính Khố Xanh trong khi lính chính quy của liên bang Đông Dương gọi là lính Khố Đỏ.

Quân phục của lính trong các đơn vị này gồm cả một đai lưng xanh hay đỏ, thả mối ở phía trước bụng trông giống như cái khố của dân quê hồi ấy. Đó là chưa kể những binh sĩ thuộc các tỉnh gọi là Lính Cơ, một loại đơn vị cảnh bị của các tỉnh chuyên bảo vệ các phủ huyện và Lính Lệ của phủ huyện chuyên phục vụ tạp dịch cho các văn phòng cấp huyện và hầu hạ các quan tri phủ tri huyện.

Trên chiến trường Đông Dương từ năm 1946, Pháp tuyển dụng một số binh sĩ người Việt phục vụ các đơn vị Liên Hiệp Pháp gồm các binh chủng và các đơn vị chính quy. Ngoài ra họ còn lập ra các đơn vị phụ lực quân (supplétif). Số phụ lực quân này gồm có các đại đội Commando (biệt động) và Partisan (thân binh) không phải là quân chính quy và hoàn toàn trực thuộc quân đội Pháp. Họ không thuộc Quân Đội Quốc Gia và về pháp lý dưới chính phủ Bảo Đại, họ chỉ là những phần tử bán quân sự, không được hưởng quy chế quân nhân.

Các đơn vị R.I.C và R.A.C. cũng như các đơn vị phụ lực quân nói trên không dính dáng gì đến đạo quân quốc gia dưới chính phủ Bảo Đại.

Lúc ấy còn có các tổ chức quân sự không chính quy như Bảo Chính Đoàn (Bắc Việt), Việt Binh Đoàn (TV) và Vệ Binh Cộng Hòa (NV) phụ giúp hữu hiệu việc giữ an ninh lãnh thổ nhưng không thuộc QĐQGVN, mà là lực lượng cơ hữu của các phủ Thủ Hiến. Sau năm 1954, các tổ chức cảnh bị này được sát nhập vào QLVNCH.

Nói cho có ngành có ngọn thì phải bắt đầu câu chuyện từ nhiều thập niên trước và trên bình diện rộng rãi hơn về chính trị là nguyên nhân căn bản cho sự hình thành phe quốc gia chống cộng. Từ đó mới có quân đội Quốc Gia Việt Nam ra đời.

uộc phân tranh Quốc-Cộng ở Việt Nam bùng lên từ cuối năm 1945. Lực lượng quân sự của các đảng quốc gia bị buộc phải chống lại quân Cộng Sản không lâu sau khi Việt

Minh cướp chính quyền. Đến khi nổ ra cuộc kháng chiến trên toàn quốc ngày 19/12/1946 thì hầu như mọi phần tử yêu nước đều rút ra khỏi các đô thị bị quân Pháp chiếm cứ để chiến đấu chống lại giặc Pháp trong đó phần lớn là những người yêu nước không-cộng-sản. Lực lượng võ trang của phe quốc gia đã bị CSVN dưới tay ông Hồ Chí Minh tấn công tan rã trước ngày nói trên.

Lúc ấy chỉ có một số rất ít vì lợi ích cá nhân, bị Pháp mua chuộc hay vì sùng bái sức mạnh quân sự của Pháp, có ơn nghĩa với Pháp mới đi lính Pháp. Còn đại đa số những cựu quân nhân thuộc các đơn vị thuộc địa Pháp có ý thức yêu nước đã theo phe Việt Minh hay các lực lượng quốc gia chống Pháp.

Tình hình ở vùng kháng chiến thay đổi mạnh vào năm 1947-48. Một mặt huy động dân chúng ủng hộ kháng chiến, nhưng mặt khác chính quyền Việt Minh thẳng tay thanh trừng các phần tử yêu nước không-cộng-sản, tàn sát những lực lượng không chấp thuận chủ nghĩa Cộng Sản và có khả năng gây nguy hại cho chế độ Cộng Sản mai sau.

Số nạn nhân của Việt Minh lên đến hàng trăm ngàn, phần đông bị giết lẽ tẻ, riêng tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài bị tàn sát tập thể một cách man rợ nhất. Sau đợt thanh trừng đẫm máu này, một số đông đảo những người quốc gia chống cộng cảm thấy sẽ đến lượt mình bị thanh toán, nên chỉ còn một chọn lựa là chạy về vùng Pháp chiếm đóng để tránh bị giết hay tù đầy về tay của Việt Minh. Số người này cũng bao gồm luôn những người khác cùng xuất thân từ quân đội Pháp có ý thức yêu nước đã theo phe Việt Minh hay các lực lượng quốc gia chống Pháp từ năm 1945.

Thực dân Pháp còn nhẹ tay với người quốc gia yêu nước, không quá khát máu như người Cộng Sản, nên họ còn có thể len lỏi sống sót. Vì thế không có gì là nguy biệ n khi nói

rằng những phần tử yêu nước chống cộng này đã chọn chỗ đứng tạm thời với kẻ thù còn nương tay với mình để chống lại kẻ thù nguy hiểm hơn chắc chắn không tha mạng mình. Đó là lẽ sống còn của con người. Không ai yêu nước điên dại đến độ chịu tự ý vươn cổ cho người anh em ruột thịt nhân danh lòng yêu nước cầm mã tấu chặt đầu mình và vợ con.

Ngày 5/6/1948, tướng Nguyễn Văn Xuân ký thỏa ước với Cao Ủy Pháp Bollaert thành lập chính phủ quốc gia lâm thời. Sau đó đến ngày 8/3/1949, Cựu Hoàng Bảo Đại ký hiệp ước với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol, công bố và nhìn nhận một chính quyền “Quốc Gia Việt Nam” nằm trong Liên Hiệp Pháp với chủ quyền giới hạn. Các đảng phái quốc gia không tích cực ủng hộ chính phủ này. Nhưng nhiều người tạm chấp nhận cơ hội này để hợp tác với chính quyền Bảo Đại hầu tìm đất sống cạnh quân ngoại xâm mà chống kẻ nội thù.

Trên thực tế, Paris chỉ muốn đưa ra giải pháp “Quốc Gia Việt Nam” để giúp sức cho họ giải quyết các khó khăn trong việc tái lập chế độ thuộc địa dưới hình thức mới mà họ cần nhưng không làm xuể. Trong số những việc họ phải làm để đạt mục tiêu ấy có việc lập ra một quân đội chính quy cho Quốc Gia Việt Nam.

Do đó tổ chức mang tên “Quân Đội Quốc Gia Việt Nam” ra đời năm 1949 không lâu sau khi chính phủ Bảo Đại được thành lập. QĐQG Việt Nam gồm bộ Tổng Tham Mưu, 4 quân khu, các tiểu đoàn bộ binh gọi là Tiểu Đoàn Việt Nam. Một số tiểu đoàn này nằm trong các Liên Đoàn Lưu Động có tổ chức giống như lữ đoàn chiến thuật (nhẹ) trong quân đội Mỹ và VNCH (không có đơn vị cơ hữu và không tự trị hành chánh).

Khi chiến sự trở nên sôi động hơn, năm 1951 thủ tướng chính phủ Bảo Đại là ông Trần Văn Hữu ký lệnh động viên. Một phần số tân binh này được dùng để tổ chức thêm cho QĐQG các tiểu đoàn Khinh Quân. Các TĐKQ không tự trị về hành chánh, được trang bị nhẹ với quân dụng Mỹ. Thí dụ: Các TĐVN mang súng Pháp MAS- 36, trong khi các TĐKQ mang súng Mỹ Garand M-1 (nhiều

người viết lộn là Garant). Đến ngày 20/7/1954, QĐQGVN chưa có cấp sư đoàn.

Người Pháp cũng phụ trách việc huấn luyện cho QĐQG. Trường Võ Bị Đà Lạt và nhiều trung tâm huấn luyện mới được tổ chức. Các quân chủng, binh chủng, binh sở cũng được thành hình phỏng theo tổ chức của quân đội Pháp. Cấp hiệu của QĐQG dùng y như cấp hiệu của Quân Đội Pháp cho đến đầu năm 1956 khi quân đội QGVN được cải tổ toàn diện thành QĐVNCH.

Để thấy rõ hình ảnh và tư thế của QLVNCH, cần phải xem xét nhiều khía cạnh từ lúc mới có QĐQGVN.

Vào lúc ấy QĐQG không có đủ sĩ quan nên Pháp đã biệt phái một số sĩ quan người Pháp sang nắm các đơn vị QĐQG tân lập. Bộ tư lệnh QĐ Pháp đã chuyển nhiều sĩ quan và hạ sĩ quan người Việt nguyên thuộc quân đội các đơn vị Liên Hiệp Pháp hậu thân của các trung đoàn thuộc địa sang phục vụ các đơn vị QĐQG. Tổng Tham Muu Trưởng đầu tiên là Tướng Nguyễn Văn Hinh, nguyên trung tá Không Lực Pháp. Pháp cũng chuyển một số đơn vị người Việt đã do họ thành lập trước đó sang QĐQG. Những cá nhân được chuyển sang QĐQG được xóa bỏ hoàn toàn ra khỏi danh bộ quân đội Pháp. Hưu bổng nếu có sẽ chỉ được tính đến ngày sang quân đội Việt Nam.

Từ tình trạng như vậy và vì thiếu nhân sự nên QĐQG phải bỏ nhiệm một số ít những phần tử cựu binh sĩ Pháp, ít học, kém tài kém đức, vẫn trung thành với Pháp vào những chức vụ cao cấp của QĐQGVN.

Một số nhà nghiên cứu ngoại quốc cho rằng một số cựu quân nhân quân đội Pháp này còn được lưu dụng trong QLVNCH đã làm trì trệ sức phát triển của QLVNCH, trong cuộc chiến nặng về tâm lý và tuyên vận củn,g như ưa bám chặt đường lối quân sự của Pháp. Vì số người này tương đối ít nên không thể dựa vào họ mà nói rằng QĐQGVN là sản phẩm hay là con đẻ của binh đội thuộc địa Pháp.

Như đã nói trên đây, từ khoảng năm 1950 trở đi nhờ dân số đông đảo bỏ vùng kháng chiến về vùng Pháp chiếm,

QĐQG mới có nguồn nhân lực thanh niên dồi dào để tuyển quân. Lớp sĩ quan lớp trẻ kể cả một số nguyên là cán bộ quân sự phe kháng chiến trở về, dần dà nắm các đơn vị từ trung đội, đại đội và tiểu đoàn.

Trở lại mặt trận chính trị, vào năm 1951, sau khi Đảng Lao Động (tên ngụy trang của đảng CSVN) chính thức cầm quyền chuyên chính với những biện pháp kèm kẹp cưỡng bách, ngày nào cũng ra rả “nhớ ơn Bác và Đảng,” công khai liên kết với Cộng Sản quốc tế thì một loạt đồng đảo dân chúng đang gặp khó khăn sinh sống trong vùng kháng chiến và ngán ngẩm chế độ cộng sản theo nhau hồi cư về lại nhà cửa và đất đai của mình. Con số đồng đảo này gồm rất nhiều các chiến sĩ quốc gia chán ghét CSVN và biết sẽ có ngày bị chế độ CSVN hãm hại.

Từ đó, phe quốc gia củng cố vai trò chính trị, có đất, có dân, với lớp người quốc gia rời bỏ vùng Cộng Sản trở về ào ạt nên đã có chút ít tín nhiệm. Nhờ một số đồng thanh niên tình nguyện vào QĐQG để chiến đấu chống CSVN nên danh nghĩa của QĐQG đã sáng tỏ hơn. Liên tiếp các khóa đào tạo sĩ quan được mở ra nhằm cung cấp cán bộ cho các đơn vị QĐQG và các đơn vị cũng tự chứng tỏ vai trò của mình làm thay đổi hẳn bộ mặt của “Vùng Quốc Gia” hay giản dị hơn là “Vùng Tê.”

Lúc ấy các đơn vị quân đội Pháp thường ưa dùng chính sách khủng bố trắng, thẳng tay giết tróc, hãm hiếp, đốt phá vì bất cứ lý do gì. Vì vậy, khi binh sĩ Quốc Gia hành quân tới đâu, hiếm có những hành vi ngược đãi dân chúng như các đơn vị LHP nên còn được dân chúng dành cho nhiều cảm tình. Tổ chức Tác Động Tinh Thần, tiền thân của ngành Chiến Tranh Chính Trị có nhiều cố gắng nhưng thành công giới hạn vì mặc cảm “theo giặc Pháp” và vì cấp lãnh đạo coi thường công tác này trong lúc ngân sách quá ít ỏi. Nên nhớ người Pháp viện trợ gần như không đáng kể cho các lãnh vực y tế, xã hội, văn hóa cho chính quyền quốc gia Việt Nam nếu so với các khoản viện

trợ dân sự to lớn của Mỹ dành cho VNCH trong chiến tranh 1955-1975.

Đến năm 1954 thì hầu hết các đơn vị QGVN đều không còn sĩ quan Pháp. Tuy chủ quyền quân sự ở cấp cao còn do người Pháp nắm giữ, nhưng các cấp Việt Nam ở quân khu, xuống đến các đơn vị tương đối có đủ quyền lực độc lập để chỉ huy. Duy có một điều là các đơn vị Việt Nam không được Pháp tích cực yểm trợ như đã hứa hẹn về mặt trang bị và tiếp liệu như Pháp hứa hẹn trong thỏa hiệp 8/3/49. Do đó, QĐQG không mạnh mẽ như chính quyền Bảo Đại mong muốn.

Tháng 7 năm 1954 chia đôi đất nước, quân đội quốc gia rút về trấn đóng ở Miền Nam và tái tổ chức. Khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nhà nước Việt Nam Cộng Hòa ngày 26 tháng 10 năm 1955 quân đội QGVN cũng được cải danh thành Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Từ đó quân đội của Miền Nam củng cố tổ chức, lập ra các sư đoàn, quân đoàn, tăng cường các binh chủng nhất là các binh chủng tác chiến để bước vào giai đoạn quan trọng của lịch sử.

Trong hai năm đầu, QĐVNCH tập trung vào việc tái tổ chức và huấn luyện. Thi dụ như tại TTHL Quang Trung có các lớp dẫn đạo chỉ huy dành cho sĩ quan các cấp để học hỏi về tổ chức và thủ tục điều hành quân đội mới, nhất là về sử dụng vũ khí, quân dụng Mỹ. Bộ TTM cũng mở các cuộc tập trận cấp sư và quân đoàn để chuẩn bị khả năng ứng phó với chiến tranh quy ước.

Kể từ đó, người quân nhân QĐVNCH đã trút bỏ được mặc cảm lệ thuộc người Pháp, và mau chóng tự xây dựng được niềm hãnh diện và tự hào là chiến sĩ của một nước độc lập, có chủ quyền, của một quân đội có chính nghĩa, có danh dự, chiến đấu cho đất nước và dân tộc mình chống chế độ Cộng Sản hại dân hại nước để bảo vệ Miền Nam tự do, dân chủ và tiến bộ.

Tiếp thay, chính quyền của Tổng Thống Diệm không cải tiến được toàn diện mọi lãnh vực của quân đội, vẫn duy trì

một lễ lối dụng binh lối thời, kém hiệu quả, và một đường lối chính trị sai lầm đưa đến cuộc đảo chính đáng tiếc 1/11/1963.

Sau khi hạ bệ chính quyền Ngô Đình Diệm, quân đội lên cầm quyền và được gọi là Quân Lực VNCH, bảo vệ Miền Nam trong cuộc chiến tàn hại nhất lịch sử Việt Nam. Nhưng giới lãnh đạo kế vị ông Diệm cũng không làm gì xuất sắc hơn để thắng cuộc chiến tranh chống kẻ nội thù cực kỳ gian ác và dẻo miệng là CSVN, tuy có vài cải tổ về thang lương, về tổ chức, về thủ tục điều hành và quy chế quân nhân.

Với sự trợ giúp khá dồi dào của Hoa Kỳ, nhất là từ năm 1962 quân đội VNCH đã tăng dần, đến đầu thập niên 1970 đã có quân số hơn 1,1 triệu người, với lực lượng không quân, hải quân, lục quân mạnh có hạng trên thế giới. Nhưng cuối cùng, QLVNCH đã đại bại trước các lực lượng CSVN ngày 30/4/1975.

Sau khi buông súng, người chiến sĩ của QLVNCH không những chịu tù đầy trong tay chế độ CSVN, mà còn bị bọn phản chiến và giới báo chí mù quáng bị nhiễm độc nặng nề phỉ báng, vu cáo. Nhưng sự thực đã dần dần chứng tỏ QLVNCH có một danh nghĩa chính đáng, là một thực thể anh hùng đáng ca ngợi.

Binh sĩ QLVNCH đã chiến đấu dai dẳng từ 1955, nhất là trong giai đoạn sôi sục tột đỉnh từ năm 1965 trở đi. Họ đã chiến đấu với đồng lương chết đói, cấp binh nhì được trả lương tháng chưa đủ mua một tạ gạo. Trên tuyến đầu họ biết ở hậu phương sau lưng họ bọn tham nhũng và con buôn lợi dụng chiến tranh đang làm giàu trên xương máu và mồ hôi của họ, nhưng họ vẫn chiến đấu khá anh dũng. Những sự kiện này cho thấy binh sĩ QLVNCH đã cầm súng vì chính nghĩa, không phải vì tiền bạc, đặc quyền hay vì bị cưỡng bách bằng kỷ luật tàn ác vô nhân đạo.

Nếu có một thiếu số sĩ quan cao cấp hủ hóa, tham nhũng, kém tư cách, không có lòng yêu nước, từng làm tay sai cho giặc Pháp, thì đó chỉ là những mụn ghẻ ngứa ngáy trên cơ thể một con người đang được ưu tiên chữa trị chống nhiễm lây một căn bệnh khác cực kỳ nguy hiểm đến tính mạng.

Tuy có những cán bộ do quân đội Pháp để lại, nhưng không vì thế mà QLVNCH chịu ảnh hưởng tư tưởng và những lễ thói xấu xa của quân đội Pháp. Ngay từ khi còn quân đội Pháp ở Việt Nam, quân đội quốc gia đã có nhiều đường lối quân sự và chiến thuật khác hẳn và thích hợp hơn.

Từ khi được đồng minh Hoa Kỳ viện trợ, cách tổ chức và điều hành, thủ tục kỹ thuật, chiến thuật, phương thức huấn luyện đều dựa vào mẫu mực, tiêu chuẩn của quân đội Mỹ. Nhưng những nguyên tắc căn bản và những đặc thù về mặt quân sự trong điều kiện riêng biệt của Việt Nam vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách quân sự.

Về hình thức, QLVNCH có quân phục, tổ chức, huấn luyện, quy luật tham chiến tương tự như quân đội Mỹ thì đó là điều cần thiết có mục đích giúp cho việc phối hợp hành động, cung cấp và tiếp nhận yểm trợ mau lẹ và chính xác. Quân đội VC ngoài Bắc cũng dựa theo quân đội Trung Cộng và bắt chước Trung Cộng kỹ lưỡng hơn nhiều, từ huy hiệu, quốc huy đến danh từ quân sự... một cách mù quáng.

Mỹ đã xử sự ở Việt Nam khác hẳn so với trường hợp ở Nam Hàn khi Mỹ tham chiến chống Bắc Hàn từ 1950 đến 1953. Hồi ấy Mỹ giữ vai trò tổng tư lệnh, nắm toàn quyền sử dụng và kiểm soát các đơn vị Nam Hàn. Quân đội Nam Hàn được tổ chức theo đúng bảng cấp số Mỹ, áp dụng nguyên con các thủ tục điều hành của quân đội Mỹ vì cấp bách không đủ thì giờ nghiên cứu tổ chức riêng rẽ.

Tại Việt Nam, bộ TTM/VNCH có quyền hạn riêng, phối hợp mà không ở dưới quyền MACV. Mỗi đại đơn vị Mỹ đều được trao phó một Khu Trách Nhiệm Chiến Thuật (Tactical Operation Area) riêng biệt. Khi cần thì hai bên phối hợp hoặc dựa theo kế hoạch hành động chung ký kết giữa MACV và bộ TTM/VNCH. Vì thế nếu có sự chèn ép, quyết định độc đoán, xâm phạm chủ quyền thì cũng chỉ

xảy ra ở cấp tối cao như bất cứ nước nào khác có liên hệ quân sự với Mỹ.

Về phương diện chính thức, Hoa Kỳ đã phải tôn trọng chủ quyền VNCH. Những việc làm của MACV hay CIA bị cho là vi phạm chủ quyền Việt Nam, đều bị quốc hội Mỹ đã can thiệp mạnh. Thí dụ cụ thể là trường hợp CIA lập ra hệ thống trung tâm phối hợp tình báo cấp quận mà không trực thuộc chính quyền và QLVNCH. Trong vụ này, CIA bị quốc hội Mỹ gay gắt buộc tội xâm phạm chủ quyền nước bạn. Ông trùm CIA là Colby đã phải chạy hớt hơi để Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và các bộ liên hệ phía VNCH chịu ra sắc lệnh tổ chức Ủy Ban Phương Hoàng thay thế hệ thống tình báo quận nói trên (1968) đúng thời hạn quốc hội Mỹ đòi hỏi CIA hoàn tất bàn giao.

Tại các đơn vị, toán cố vấn Mỹ là một tổ chức không thực sự cố vấn về những lãnh vực lãnh đạo, chỉ huy và chiến thuật. Nói cho đúng, các cố vấn chỉ có nhiệm vụ chính là liên lạc, tham vấn về kỹ thuật máy móc, yểm trợ và theo dõi việc sử dụng trang bị và các nguồn viện trợ từ phía Mỹ.

Họ thường không góp ý về những lãnh vực nhân sự, chiến tranh chính trị, tài chánh, an ninh quân đội. Ở các đơn vị tác chiến, các cố vấn Mỹ thường phụ trách xin và hướng dẫn yểm trợ hỏa lực của phi cơ hay pháo binh Mỹ, tản thương bằng phương tiện quân y Mỹ. Trên thực tế, các cố vấn Mỹ thường kính sợ các đơn vị trưởng Việt Nam (trong sạch) nhiều hơn là phía VN kính sợ họ. Một trong những lý do dễ hiểu là họ sống chung với quân sĩ nước bạn, do đó sự an nguy của họ ở trong tay binh sĩ đơn vị họ làm cố vấn.

Nếu tin được sách báo về Chiến Tranh Việt Nam, thì những trường hợp cố vấn Mỹ hung hăng, gây áp lực công khai lên cấp chỉ huy đơn vị như ông John Paul Vann ở Quân Đoàn II là điều hiếm hoi.

Trên căn bản tổ chức, QLVNCH không phải là hậu thân hay chi nhánh của các quân đội Pháp hay Mỹ khi khảo sát vấn đề này về mặt hành chánh. Mọi quân nhân VNCH đều có hồ sơ cá nhân, có quy chế hành chánh, và được đặt dưới thẩm quyền của quân đội VNCH. Chưa có quan qua của

quân đội Pháp hay Mỹ không dính dáng gì đến quân nhân VNCH. Các quốc gia và các chính phủ Pháp và Mỹ không có trách nhiệm gì về bất cứ người lính VNCH nào về pháp lý, tinh thần cũng như vật chất. QLVNCH có tổ chức hợp pháp, có hệ thống chỉ huy và quân giai không mâu thuẫn với các công ước quốc tế nhất là công ước Genève 1949 về chiến tranh.

Lương bổng cho QLVNCH cũng do ngân sách Việt Nam đài thọ. Tuy nhận tiền viện trợ của Hoa Kỳ để chi phí cho chiến tranh, nhưng tiền viện trợ này được chuẩn thu vào ngân sách Việt Nam và trở thành một phần trong ngân sách VNCH trước khi chuẩn chi trả lương cho binh sĩ. Riêng trường hợp các biệt kích quân gốc thiểu số phục vụ trong các đội biệt kích hay còn gọi là dân sự chiến đấu CIDG (Civilian Irregular Defense Group) tuy do CIA Mỹ hay Liên Đoàn 5 Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ trả lương bổng trực tiếp, nhưng các biệt kích quân này vẫn ở dưới thẩm quyền tài phán của VNCH như thành viên của một lực lượng bán quân sự hay cảnh bị VNCH.

Trên thực tế, các chiến binh biệt kích đã chấp nhận cầm súng với danh nghĩa công dân yêu nước chống CSVN. Họ không hề phục vụ Hoa Kỳ với tư cách “lính đánh thuê” như CSVN rêu rao bêu xấu và như những người viết hay phiên dịch máy móc danh từ “mercenary.”

Trong mấy năm gần đây, nhiều tác giả và ký giả cũng như các chính quyền địa phương ở Hoa Kỳ có khuynh hướng nghiêng về phía VNCH cũ, nhất là xác định lại chính nghĩa của phe VNCH và Hoa Kỳ trong Chiến Tranh Việt Nam, đồng thời vinh danh QLVNCH trong cuộc chiến bị xuyên tạc nhiều nhất trên lịch sử thế giới.

Đi đầu trong phong trào “tái định giá” này Quốc Hội Hoa Kỳ. Nghị Quyết 322 ngày 11/7/2000 của lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ ca ngợi sự hy sinh lớn lao của QLVNCH. Kế tiếp là Nghị Quyết 139 của Tiểu Bang Virginia Hoa Kỳ. Nghị quyết 139 được nghị viện tiểu

bang chung quyết ngày 4/3/2002 sau đó được Thống Đốc Mark Warner ký ban hành nhân ngày Quân Lực VNCH năm 2002. Nghị quyết này công nhận 19 tháng Sáu là Ngày Chiến Sĩ Tự Do Việt Nam. Hai nghị quyết này là bằng chứng hùng hồn nhất xác định danh nghĩa của QLVNCH.

Dù có luận điệu xuyên tạc của CSVN và các thế lực thù nghịch cho rằng QLVNCH là tay sai, là bù nhìn của Pháp hay của ai đi nữa, thì sự thực đã chứng minh ngược lại. Với lực lượng hơn một triệu quân gồm 600.000 quân chính quy, được quản trị hợp pháp và khoa học, tôn trọng các quy ước quốc tế về chiến tranh, từng chiến đấu trong hơn 20 năm, có trên 260 ngàn quân nhân tử trận trong nhiều trận đánh hào hùng. Ngoài ra cũng cần nói thêm rằng QLVNCH còn đóng góp nhiều trong việc xây dựng Miền Nam thịnh vượng và văn minh, như trong lãnh vực văn hóa giáo dục, văn nghệ, kỹ thuật cơ khí và điện tử, truyền thông, thể thao...

Riêng những sự kiện thực tế trên cũng đã đủ để cho quân lực này dành được một chỗ đứng vinh quang xứng đáng trong lịch sử thế giới, khi mà thời gian đang giúp cho lương tâm nhân loại được soi sáng và cơn mê sảng do tiếng ru ma quái của ác quỷ hết làm lu mờ tri thức trong trắng của loài người. Chỉ tiếc rằng do những sai lầm và nhược điểm nhất định của các cấp lãnh đạo chính trị và chiến tranh tối cao và những sơ khoáng trong hàng ngũ cán bộ quân sự khiến cho một quân lực anh hùng như vậy phải chịu thảm bại trước kẻ thù đáng lẽ không thể chiến thắng, khi còn súng nhưng thiếu đạn.

Họ thiếu đạn bằng đồng cũng như đạn tinh thần. Vì thế cổ nhân đã có nhận định thật thích hợp với trường hợp thất bại của QLVNCH khi nói rằng “Không Thể Đem Thành Bại Mà Luận Anh Hùng.”

Trong những tháng gần đây đã có thêm nhiều dấu hiệu dư luận Mỹ và thế giới quay về hướng phục hồi danh dự và danh nghĩa cho QLVNCH như việc lập tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ ở Westminster, Nam California, và ở Tây Úc. Tiếp theo là quyết định của Tiểu

Bang Texas hôm 18/6/2003 cho cựu chiến binh Việt Nam được hưởng ưu đãi về thủ đắc bất động sản như cựu chiến binh Hoa Kỳ.

Và còn có thể có những sự kiện ngoạn mục nữa diễn ra trong tương lai gần đây. Việc 3 tử sĩ VNCH trong đó có cố Trung Úy Nguyễn Bảo Tùng xuất thân khóa 16 TVB/QG Việt Nam, cố Trung Úy Phan Thế Long, cố Trung Sĩ Bùi Văn Lành, được quân lực Hoa Kỳ làm lễ an táng trọng thể tại Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington hôm 27/6/2003 dưới quốc kỳ và quân kỳ VNCH cùng với các chiến hữu Mỹ tử trận trên cùng chuyến bay là hành động đầy ý nghĩa. Khi vinh danh các tử sĩ VNCH, quân đội Mỹ đã tự xác định mục tiêu cao cả mà vì nó hơn 58 ngàn tử sĩ Mỹ đã hy sinh ở Việt Nam và chính nghĩa của quân lực Mỹ khi chiến đấu chống CSVN để bảo vệ VNCH.

Đó là những thắng lợi đáng kể hiện tại. Những thắng lợi này hiển nhiên là thành quả của các cuộc tranh đấu lớn nhỏ, từ những cuộc biểu tình phản kháng cho đến những phong trào, mặt trận tuyên vận, thông tin về trong nước. Tác động tâm lý của những cuộc đấu tranh này rất chậm nhưng chắc chắn, đã phải mất năm mươi năm mới thấm vào lòng người. Phải chi đừng có tệ nạn chia rẽ, phân hóa giữa những người cùng chiến tuyến của người Việt hải ngoại thì những thắng lợi ấy hẳn đã to lớn và vẻ vang hơn hàng trăm lần. Nhưng chúng ta có duy trì được đà thắng lợi ấy lâu dài hay không thì phải trông cậy vào thế hệ con cháu chúng ta. Muốn thực hiện được điều đó, thế hệ đi trước phải tích cực dẫn dắt con em rất nhiều hơn nữa trên đường tranh đấu cho dân chủ tự do của dân tộc Việt Nam nhất là để các em không bị tác động tai hại của những luận điệu sai trái của CSVN và bọn phản chiến chống VNCH đầy rẫy trong sách báo ở các thư viện học đường. Công việc này khó có thể thực hiện được do phụ huynh các em nhỏ trong phần lớn các gia đình người Việt hải ngoại. Chỉ có thể trông chờ ở các hội đoàn, tổ chức thiện nguyện về văn hóa và nhất là các lớp Việt Ngữ, các đoàn hướng đạo, hiệp hội thanh thiếu niên.

Hiện nay các tổ chức của lớp trẻ Việt Nam đang hình thành và hoạt động ngày một sôi nổi. Trong số này có Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, đã tham gia làn sóng tranh đấu của cộng đồng người Việt hải ngoại với một số thắng lợi đáng khen.

Thế hệ cựu chiến sĩ VNCH trẻ nhất nay cũng đã 46 tuổi. Thời gian để chúng ta làm việc này không còn nhiều. Nhưng các cựu chiến sĩ QLVNCH có quyền tin rằng CSVN sẽ sụp đổ trước khi đa số anh chị em chúng mình quá già nua không còn đủ sức để ăn mừng thật lớn chào đón ngày vinh quang của nhân dân và đất nước ta thoát ách Cộng Sản.

Lữ Tuấn (K.12)



Tháng Sáu, Nêu Cao Lá Cờ Chính Nghĩa

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh

Đầu tháng Sáu năm nay tôi được mời tới thành phố St Louis, thuộc tiểu bang Missouri để chủ tọa buổi Lễ Phát Giải Thưởng 2003 cho học sinh trung học ưu tú trong vùng. Trẻ em Việt trong vùng này vẫn có truyền thống hiếu học, năm nào các cháu cũng đạt được những thành tích xuất sắc, giặt được những danh vị Thủ khoa hay Á khoa của nhiều trường. Năm nay tôi được mời tới cũng để kỷ niệm năm thứ Năm kể từ ngày Hội Khuyến Học trên đó thành lập một giải thưởng đặc biệt đặt tên là Giải Truyền Thống Nguyễn Xuân Vinh để mỗi năm tặng cho một em ngoài thành tích xuất sắc ở học đường lại có tinh thần phục vụ cộng đồng, giữ gìn lễ nghĩa cao đẹp của quê cha đất tổ. Nhân dịp này Liên Hội Cựu Quân Nhân/QLVNCH ở vùng St Louis cũng mời tôi tham dự Lễ Kỷ Niệm Ngày Quân Lực VNCH và đọc một bài nói về ý nghĩa của buổi lễ. Ngày Quân Lực hàng năm là ngày 19 tháng 6 và đặc biệt từ năm 2002, ngày này đã được Hội Đồng Lập Pháp tiểu bang Virginia long trọng chính thức công nhận kể từ nay trở đi là ngày kỷ niệm, ghi lại sự chiến đấu hào hùng của quân lực Việt Nam Cộng Hoà chống lại sự lan tràn của cộng sản. Tôi ghi lại ở dưới đây những lời phát biểu của tôi với người đồng hương và các chiến hữu và gia đình cùng một số quan khách Việt Mỹ đã đến tham dự chật ních hội trường của Hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ tại St Louis.

Năm nay có thể nói là một năm đặc biệt với người Việt di cư. Có sự đặc biệt này là vì bắt đầu từ tháng Hai, trên toàn quốc Hoa Kỳ và ở mấy đô thị lớn ở Âu châu, và ở

Úc châu, đã có những phát động chính trị chung quanh lá cờ vàng ba sọc đỏ, và bất kỳ ở nơi nào, những cựu quân nhân của QLVNCH cũng đóng những vai trò quan trọng. Có thể nói là từ hai năm nay, đã có một luồng gió mới thổi bùng lên trong tập thể những người quốc gia Việt Nam tại hải ngoại, mà trong đó những người đã từng cầm súng chiến đấu, và hậu duệ, đã chiếm đại đa số, luồng gió này đã thôi thúc mọi người phải đứng lên, sát lại với nhau, một lần nữa cùng toàn dân, nghe tiếng gọi thiêng liêng, để đứng vào hàng ngũ cứu nước, khi nhìn thấy sơn hà gặp cơn nguy biến. Những chiến sĩ hào hùng của một thời xưa nay lại thấy phải cầm súng, cầm gươm, cầm bút, hay bất cứ một vũ khí chống cộng sản nào mà thấy hữu hiệu. Chúng ta thường tâm niệm rằng **“Cuộc Chiến Chưa Tàn”**, và nay với những cựu chiến sĩ như chúng ta, lần này sẽ là **“Trận Chiến Cuối Cùng”**, vì kể tuổi đời, ngay cả những người trẻ nhất khi bỏ gươm, cởi giáp cách đây 28 năm, nay các bạn cũng gần đến tuổi ngũ tuần. Lần này chúng ta xuất quân nhưng sẽ không đơn độc, vì chúng ta trở lại để tiếp tay, để làm hậu thuẫn cho thế hệ trẻ, con em của chúng ta, từ mấy năm nay các con, các cháu đã lên đường, đã dẫn thân, đã có những thành tích vô cùng ngoạn mục mà thế hệ cha anh, từ ngày ly hương để tới sống trên giải đất này, chúng ta chưa làm được. Tôi xin kể sau đây ít nhiều những hoạt động vô cùng quan trọng cho tương lai của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, và có ảnh hưởng tới quê hương xưa của chúng ta, những hoạt động đã xảy ra kể từ mấy năm nay ở nhiều nơi trên đất nước này, trong đó giới trẻ Việt Nam, với sự hậu thuẫn của các phụ huynh là cựu quân nhân, đã giữ những vai trò cột trụ.

Chúng ta thường nghĩ đến một khoảng đời hai mươi lăm năm như là thời gian cho một thế hệ trẻ lớn lên và bước vào cuộc đời hoạt động. Khi chúng ta vào ngưỡng cửa thiên niên kỷ 2000 thì một phần tư thế kỷ cũng đã trôi qua kể từ ngày người Việt ào ạt rời nước ra đi. Một phần tư thế kỷ này cũng đã đưa lại cho cộng đồng người Việt ở hải ngoại một thế hệ mới. Tôi đã có dịp đi nhiều nơi và tiếp xúc với các bạn trẻ Việt, và tin tức thành công của các bạn ở đủ mọi ngành thật đã làm cho chúng ta thấy tự hào. Cách đây ba năm, vào tháng 7 năm 2000, nhân dịp Đại Hội

Võ Bị Hải Ngoại kỳ thứ 12 ở Orange County, California, Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu gồm có các con và cháu của những Cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được chính thức giới thiệu ở đại hội và trên toàn cầu. Tôi có vinh dự được mời chuyện với các bạn và đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với một thế hệ đồng nhất mang dòng máu kiên cường và anh dũng của ông cha, những sinh viên đã theo tiếng gọi của non sông nhập ngũ để được huấn luyện thành những sĩ quan tài danh của đất nước. Gặp các bạn trẻ ở đại hội, các cháu trẻ thì còn đang theo học ở các đại học, các anh chị lớn hơn nay đã là những công dân lỗi lạc ở mọi ngành, là các bác sĩ, kỹ sư, luật gia hay ở trong thương trường, những cháu ở trong quân đội cả ba ngành Hải, Lục và Không quân, nếu mặc quân phục tới dự tôi đã nhìn thấy thấp thoáng những cấp hiệu thiếu tá hay đôi khi là trung tá, lòng tôi thấy rộn ràng một niềm vui khôn tả. Nhưng khi trở về, nói chuyện với những người bạn Hoa Kỳ, thì tôi lại thấy họ không biết nhiều về những đóng góp của người mình, không biết là con em mình đã lái những phi cơ phản lực siêu thanh, tham chiến ở vùng Vịnh cách đây hơn mười năm, và bây giờ chắc đại chúng Hoa Kỳ cũng không biết rằng hiện nay nhiều thanh niên Mỹ gốc Việt đang có mặt trong trận chiến ở Trung Đông với Iraq, và cũng có người đã hy sinh cho đất nước này.

Chúng ta có thể đặt câu hỏi là tại sao những cố gắng của chúng ta lại không được đại chúng Hoa Kỳ biết tới và sự lãnh đạo này có ảnh hưởng gì tới sự phát triển và hưng thịnh của cộng đồng chúng ta. Nguyên do chính là chúng ta đã sinh sống trên giải đất này hầu như là một cộng đồng khép kín, giữa một xã hội gồm nhiều sắc dân khác, và giữa chúng ta và họ ít có sự giao tiếp, những gì mình làm, những thành tích con em chúng ta đạt được không được những người thuộc các sắc dân khác biết tới. Cùng chung sống trên đất nước này, mà các người thuộc các sắc

dân khác, và đặc biệt là khối đa số là những người da trắng, không biết nhiều về tầm quan trọng của sự đóng góp của chúng ta là những người Mỹ gốc Việt vào xã hội Hoa Kỳ, chính là vì chúng ta chưa thực sự dẫn thân hoạt động trong những lãnh vực và trong những địa bàn có liên hệ tới người bản xứ. Khi mà những hoạt động của chúng ta, những đóng góp của chúng ta, những quyết định của chúng ta không thực sự có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của những người Hoa Kỳ nói chung, thì dù rằng cộng đồng Việt Nam có được coi như là một cộng đồng thịnh vượng chẳng nữa, chúng ta vẫn chỉ được nhìn như là những người di cư mới tới mà thôi.

Ý thức được sự việc này, các cháu trong Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu đã tích cực tham gia những sinh hoạt chính trị ở vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Lấy một vài thí dụ, thành quả ngoạn mục nhất, trong những năm đầu, là cuộc vận động thành công hai nghị quyết liên hệ tới người Việt di cư và cựu chiến binh Việt Nam đã được Hội Đồng Lập Pháp Tiểu Bang Virginia thông qua đầu tháng Ba năm 2002.

1/ Nghị Quyết SJ 137, công nhận ngày 30/04/2002 và mỗi năm sau đó là Ngày Tưởng Nhớ của Người Việt Quốc Gia (National Vietnamese Remembrance Day).

2/ Nghị Quyết SJ 139, công nhận ngày 19/06/2002 và mỗi năm sau đó là Ngày Chiến Sĩ Tự Do Việt Nam (Vietnamese American Freedom Fighter Day).

Như các phụ mẫu huynh trưởng khi xưa, giới trẻ dẫn thân, mỗi lần xuất quân. là một lần thêm kinh nghiệm, để rồi tiến lên. Lên tới cấp bậc Liên Bang, anh Tổng Đoàn Trưởng Trần Quốc Dũng đã viết thư cho cựu tướng Colin Powell, là Ngoại Trưởng Hoa Kỳ yêu cầu ông lên tiếng về vấn đề Nhân Quyền ở Việt Nam khi ông tham dự đại hội Asean ở Á châu vào cuối tháng 7 năm 2002. Anh Trần Quốc Dũng và chị Tổng Đoàn Phó là Lữ Anh Thư cũng đã cùng với chiến hữu Đoàn Hữu Định, chủ tịch Liên Hội Cựu Chiến sĩ vùng Hoa Thịnh Đốn thường xuyên tham dự những buổi hội kiến tại Bộ Ngoại giao

và điều trần tại Hạ viện Hoa Kỳ có liên hệ tới vấn đề vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Song song với những hoạt động này, ta lại thấy lớp người trẻ dần dần đi vào những ngành luật pháp, chính trị và xã hội, và nhiều người gốc Việt, cả phái nam lẫn phái nữ, đã được bổ nhiệm vào chức vụ thẩm phán, phụ tá pháp lý cho những dân biểu tiểu bang và liên bang. Đã có những luật gia người Việt được tuyển làm việc ở văn phòng thẩm phán Tối Cao Pháp Viện. Người lỗi lạc nhất phải là tiến sĩ Đinh Phụng Việt, là giáo sư ở trường luật khoa danh tiếng của đại học Georgetown, và cách đây ba năm, khi mới ba mươi hai tuổi mà ông đã được Tổng Thống George W. Bush đề nghị với Quốc Hội Hoa Kỳ để được bổ nhiệm giữ chức vụ thứ trưởng Bộ Tư Pháp. Ông là người có công soạn thảo Patriot Act, tức là Luật Yêu Nước. Luật này được áp dụng sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 và nhằm tăng cường những biện pháp bảo vệ an ninh tại Hoa Kỳ. Chúng ta có thể nói là giờ đây nếu người Mỹ khi đi phi cơ, có bớt lo âu hơn về nạn không tặc, khủng bố, chính là nhờ ở những bằng phân tách hiến pháp của thứ trưởng Đinh Việt đã giúp cho cơ quan FBI quyền hạn rộng rãi hơn để khám phá những tổ chức khủng bố đang hoạt động trên nội địa Hoa Kỳ. Một điều đáng tiếc cho cộng đồng Việt chúng ta là mới tháng trước giáo sư Đinh Việt đã xin từ chức, và ngày 31 tháng 5 vừa qua, ông đã rời chức vụ cao cấp nhất mà một người Việt Nam di cư đã đạt được trong chính phủ liên bang để trở về với Trường Luật ở Đại Học Georgetown. Nhưng tôi tin rằng bước đường khai sơn, phá thạch mà Đinh Phụng Việt đã đi, sẽ có người nối tiếp. Trường hợp ông Đinh Việt chỉ là một thí dụ nổi bật nhất để quần chúng Hoa Kỳ biết đến chúng ta, nhưng nếu chỉ có một con én mà thôi thì đã không mang được lại cả một mùa xuân. Nhiều tài năng trẻ đã nảy nở ở khắp nơi.

Hoạt động của giới trẻ Việt, đóng góp vào xã hội này, khi xưa chủ yếu ở trong y khoa, hay ở trong ngành kỹ thuật cao, những thành tích này của thế hệ trẻ tôi đã nhiều lần nhắc đến, và nay tôi vui mừng khi thấy hoạt động của

các bạn đã lan ra ở đủ mọi ngành và đã được những người bản xứ biết tới. Thứ nhất là trong ngành truyền thông. Giờ đây nếu người dân theo dõi tin tức trận chiến với Iraq qua những màn ảnh truyền hình ở nhiều nơi thì chắc cũng có thể nhìn thấy khi đài loan tin địa phương, có những phóng viên trẻ, nam và nữ, mang tên là họ Vũ, họ Trần, họ Nguyễn ... nghe thật xa lạ với người Hoa Kỳ, nhưng rồi đây sau khi quen thuộc, khán thính giả sẽ biết rằng đó là những tên họ Việt Nam, và những phóng viên truyền hình đó là những người khi cách đây ít lâu đã theo cha mẹ tới giải đất này trong lúc còn tuổi ấu thơ. Trên những nhật báo và tuần báo được phổ biến trên toàn quốc, đôi khi chúng ta cũng thấy có tên người Việt đứng cạnh tên những ký giả khác.

Một phạm vi hoạt động mới mở mà chúng ta nay bắt đầu bước vào, và cũng do sự dẫn thân của các bạn trẻ, là sự tham gia vào hoạt động chính trị trên đất nước tự do và dân chủ là Hoa Kỳ. Chính vì nay chúng ta có thể tự hào mà nói rằng, cả hai thế hệ, những người Việt Nam đi tiên phong trong cuộc di cư sang nước người, và thế hệ thứ hai, con em của chúng ta, đều đã có những đóng góp xứng đáng vào đất nước trú ngụ và được quần chúng Hoa Kỳ lưu ý tới và tỏ lòng tín nhiệm, mà cùng với thiên niên kỷ mới, cộng đồng người Việt đã bước sang giai đoạn mới, và chuyển hướng hành động. Người Việt di cư, nay đã là công dân Hoa Kỳ, chúng ta có thể hoạt động để trở thành những người đại diện, không phải chỉ cho riêng cộng đồng người Việt mà thôi, mà là đại diện của chung mọi người khi được dân chúng tín nhiệm qua các cuộc bầu phiếu. Cách đây một tháng, vào ngày 2 tháng 5, tại San Jose chúng tôi có hạnh ngộ được tiếp đón ba bạn trẻ Việt Nam, những người đã gây được sự tín nhiệm của dân chúng Hoa Kỳ ở địa phương các anh cư ngụ, để được đặc cử vào những chức vụ đại diện. Các bạn đó là:

Luật sư Nguyễn Quốc Lân, Ủy viên Hội đồng Giáo dục Học khu Garden Grove, California.

Nghị viên Andy Quách, của Thành phố Westminster, California.

Luật sư Trần Thái Văn, Nghị viên kiêm Phó thị trưởng Thành phố Garden Grove, California, và là ứng cử viên Dân biểu Tiểu bang California trong năm 2004. Vừa được bầu vào Hội đồng thành phố, hai vị dân biểu ở hai tỉnh miền Nam California đã vận động để cho hai thành phố Westminster và Garden Grove chấp thuận những Nghị Quyết công nhận lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ chính thức đại diện cho cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Nghị quyết công nhận lá cờ chính nghĩa của chúng ta, được biểu quyết chấp thuận ngày 19 tháng Hai bởi thành phố Westminster, và Nghị quyết tương tự được biểu quyết chấp thuận ngày 11 tháng Ba bởi thành phố Garden Grove. Tin tức chính trị này đã lan rộng nhanh chóng trên toàn quốc và cộng đồng người Việt ở khắp nơi đã tới trình bày với những vị dân cử ở địa phương mình và những Nghị quyết công nhận lá cờ Vàng ba sọc đỏ đã được thông qua và biểu quyết chấp thuận với đa số tuyệt đối ở nhiều nơi, như ở thành phố Falls Church ở tiểu bang Virginia, ở những thành phố San Jose và Milpitas ở tiểu bang California, thành phố Holland ở tiểu bang Michigan, và rồi đây lá cờ chính nghĩa của người Việt di cư sẽ được chính thức công nhận và tung bay ở nhiều địa phương khác nữa. Khi tôi đang ngồi viết bài này thì cũng nhận được điện thư báo tin là chúng ta đã vận động thắng lợi để thành phố Tacoma, thuộc tiểu bang Washington chấp thuận Nghị quyết công nhận cờ vàng ba sọc đỏ là cờ chính thức biểu tượng cho cộng đồng người Việt tự do. Những thành quả chính trị này đã làm cho sứ quán Việt cộng ở Hoa Thịnh Đốn hoảng hốt, và đại sứ Nguyễn Tâm Chiến đã viết thư phản đối với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và tổng lãnh sự Nguyễn Mạnh Hùng ở San Francisco viết cho Thị trưởng của những thành phố Westminster và Garden Grove, nhưng họ chỉ làm trò cười cho mọi người mà không có một kết quả nào.

Qua tháng Tư, một ngày lễ quan trọng đáng ghi bằng chữ vàng vào lịch sử cuộc chiến đấu chống cộng sản ở Việt Nam đã được cử hành thật trọng thể tại thị xã Westminster, ở California. Sáng chủ nhật 27 tháng 4 năm 2003, hàng chục

ngàn người, cả Mỹ lẫn Việt, đã tề tựu tại khu đất dành sẵn trong tỉnh để tham dự lễ Khánh thành Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ. Chi phí để xây dựng tượng đài đã hoàn toàn do sự đóng góp của người Việt di cư, tiền được gửi về từ khắp nơi. Lần đầu tiên, dân chúng Hoa Kỳ được nhìn thấy hai bức tượng chiến sĩ Mỹ và Việt đứng cạnh nhau, dưới bóng cờ của hai quốc gia tung bay theo gió. Cùng trong tuần lễ, đồng bào ta ở các nơi đã làm lễ Tưởng Niệm ngày Quốc Hận 30-4-1975, một cách trang trọng. Ở tất cả các nơi, ở Hoa Kỳ cũng như ở Âu châu, ở Úc châu, cựu quân nhân đều ở ban tổ chức, và tinh thần sôi nổi bột phát do khí thế khắp nơi tràn về quyện lấy mọi người kêu gọi sự tập hợp dưới bóng cờ chính nghĩa, làm cho chúng ta là những cựu chiến binh cảm nhận thấy rằng giờ đây là khởi điểm cho một cuộc xuất chinh dành lại tự do cho quê hương.

Cũng vì vậy mà từ mấy tháng nay đã có những lời kêu gọi mọi người thuộc tất cả các quân binh chủng về dự một Đại Hội Toàn Quân ở Nam California vào những ngày 26, 27 và 28 tháng Chín năm 2003 để bộc lộ một ý chí thống nhất, phân chia rõ ràng ranh giới quốc gia và cộng sản. Mọi sự liên lạc đều do chiến hữu Đoàn Hữu Định thuộc Liên Hội Cựu Chiến Sĩ vùng Hoa Thịnh Đốn phụ trách và người tạm thời đứng mũi chịu sào kêu gọi kết hợp toàn quân là cựu Thiếu tướng Lê Minh Đảo. Cách đây hai hôm, khi được tin tôi sẽ lên vùng này, Thiếu tướng Lê Minh Đảo, là một người bạn cũ, đã gọi điện thoại cho tôi và nhờ tôi chuyển lời mời ghi danh tới quý chiến hữu. Dù chúng ta không thể cùng về để dự Đại Hội Toàn Quân được, nhưng lý tưởng ra thì mọi người, mọi hội đoàn cựu quân nhân cần phải đáp lời kêu gọi và gửi điện văn về ban tổ chức nói là chúng tôi đã nghe được lời gọi năm trên năm, và lúc cần đến thì sẵn sàng. Có tỏ ra được tinh thần nhất trí như vậy chúng ta mới gây được một sức mạnh tinh thần để hỗ trợ cho công việc làm của thế hệ con cháu giờ đây đang dần thân, dùng mọi ảnh hưởng gây được để tranh đấu cho tự do và nhân quyền trên quê hương xưa.

Khi xưa bọn cộng sản đã cưỡng chiếm miền Nam, không phải là vì lực lượng quân sự của chúng ta yếu kém, mà vì những ngày cuối cùng của chiến cuộc, chúng ta không được dân chúng Mỹ và Quốc Hội Hoa Kỳ ủng hộ. Nhưng nay tình thế đã khác hẳn, và chúng ta đã lật ngược được thế cờ. Hơn một triệu người Việt sống trên đất này trong hơn hai mươi năm qua đã tỏ cho dân chúng Mỹ biết là chúng ta là những người yêu chuộng tự do, cùng sát cánh với họ để đưa hòa bình và lý tưởng dân chủ đến cho mọi dân tộc. Họ đã bầu con em chúng ta là những người đại diện. Họ đã biết tôn trong lá cờ vàng ba sọc đỏ, lá cờ chính nghĩa của chúng ta. Thời cơ nay đã tới với chúng ta. Tập đoàn cộng sản Việt Nam đã bắt đầu bối rối. Trên tờ báo Nhân Dân, trong một số mới đây, chúng đã nêu tên bốn người trẻ là dân Mỹ gốc Việt, để chỉ trích và cho là những phần tử thiếu số phận. Hành động này chỉ làm cộng sản thêm sa lầy, vì thực ra trong những người trẻ này thì ba người là những vị dân cử tôi vừa nhắc đến tên ở trên, những người được chính dân Mỹ tín nhiệm bầu ra làm đại diện, những người đã mang lại vinh dự cho cộng đồng người Việt ở khắp nơi, và người thứ tư là tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng người đã từ nhiều năm qua điều hành Văn Phòng Boat People SOS, có công rất nhiều giúp những người Việt định cư, đã nhiều lần điều trần tại Quốc Hội Hoa Kỳ về những vi phạm nhân quyền ở Việt nam, và được sự mến mộ của cộng đồng. Giờ đây, trời tháng Sáu, dù là ở Mỹ châu hay Âu châu hay Úc châu, khi mà nơi nơi đều làm lễ kỷ niệm Ngày Quân Lực, để vinh danh những người chiến sĩ tranh đấu cho tự do, chúng ta, dân cũng như quân, phải cùng nhau tập hợp dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ, đang tung bay ngạo nghễ ở khắp nơi trên thế giới tự do, để tạo ra một sức mạnh đồng nhất. Cuộc chiến vẫn chưa tàn và tôi tin rằng chúng ta sẽ là những người thắng trận đánh cuối cùng dưới lá cờ chính nghĩa.